BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2750/LĐTBXH-KHTC V/v xác định số cắt giảm, tiết kiệm thêm dự toán chi thường xuyên 6 tháng cuối năm 2020	*Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2020*

Kính gửi: Các đơn vị dự toán trực thuộc Bộ

Thực hiện Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và đảm bảo trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19 và Công văn số 8281/BTC-HCSN ngày 08/7/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định số cắt giảm, tiết kiệm thêm dự toán chi thường xuyên 6 tháng cuối năm 2020, Bộ hướng dẫn các đơn vị dự toán trực thuộc xác định số cắt giảm, tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo quy định tại 02 văn bản trên như sau:

1. Đối tượng thực hiện:

Các đơn vị dự toán được cấp có thẩm quyền giao dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2020 hoặc sử dụng số thu phí được để lại, thu nghiệp vụ được để lại theo quy định để chi thường xuyên.

2. Phạm vi cắt giảm và tiết kiệm thêm:

- Tối thiểu 70% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước còn lại của 6 tháng cuối năm 2020 (trừ kinh phí thực hiện Năm Chủ tịch ASEAN).

- 10% chi thường xuyên khác còn lại (không gồm kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước) theo các lĩnh vực chi của 6 tháng cuối năm 2020.

3. Cách thức xác định số cắt giảm, tiết kiệm thêm dự toán chi thường xuyên năm 2020:

Để tạo sự chủ động cho các đơn vị dự toán, Bộ hướng dẫn cách xác định số cắt giảm dự toán chi thường xuyên năm 2020 theo các lĩnh vực chi theo hướng dẫn của Bộ Tài chính như sau:

3.1 Cắt giảm tối thiểu 70% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước còn lại (trừ kinh phí thực hiện Năm Chủ tịch ASEAN):

$$\textbf{Số dự toán cắt giảm} = \frac{A}{12} \times 6 \times \textbf{tối thiểu } 70\%$$

Trong đó: A là dự toán được giao năm 2020 để chi tổ chức hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước hoặc số thực hiện năm 2019 *(đối với trường hợp cấp có thẩm quyền khi giao dự toán năm 2020 không chi tiết các nội dung chi tổ chức hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước).*

3.2. Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên còn lại:

$$\textbf{Số dự toán cắt giảm} = \frac{B-(C+D+E+G)}{12} \times 6 \times 10\%$$

Trong đó:

B: Là dự toán chi thường xuyên được cấp có thẩm quyền giao năm 2020 sau khi trừ dự toán tại điểm 3.1 nêu trên.

C: Tổng quỹ lương tính theo mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng, phụ cấp, tiền công và các khoản chi khác cho con người theo chế độ (học bổng học sinh, sinh viên; tiền ăn, tiền thưởng theo chế độ quy định, tiền thuê chuyên gia; các khoản phụ cấp đặc thù của từng ngành kể cả bằng tiền và hiện vật; kinh phí cấp bù miễn, giảm học phí theo chế độ quy định,...).

D: Là số tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở.

E: Là các khoản bố trí trong dự toán chi thường xuyên để thu hồi kinh phí đã ứng trước (nếu có).

G: Là tổng số các khoản chi đặc thù khác không xác định cắt giảm, gồm:

- Kinh phí để triển khai các nhiệm vụ phòng, chống dịch Covid-19;

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khám, chữa bệnh, phòng chống dịch của các cơ sở y tế;

- Kinh phí tài trợ báo, tạp chí, xuất bản, chi trợ giá;

- Quỹ nhuận bút của các cơ quan báo chí;

- Kinh phí đặt hàng sản xuất phim; đặt hàng sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công và dịch vụ công ích; đặt hàng các kênh truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị;...

- Kinh phí đấu thầu mua sắm, sửa chữa tài sản, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công và dịch vụ công ích đã thực hiện một trong các khâu tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Chi từ nguồn vốn ngoài nước;

- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức; kinh phí đào tạo lưu học sinh nước ngoài ở Việt Nam và đào tạo lưu học sinh Việt Nam ở nước ngoài diện Hiệp định; kinh phí thực hiện Đề án đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý,... ở nước ngoài;

- Kinh phí thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí thực hiện các nhiệm vụ hợp tác khoa học kỹ thuật với một số nước theo Hiệp định hoặc Nghị định thư;...

- Kinh phí thực hiện các đề án, dự án do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đã ghi chú kinh phí thực hiện tại Quyết định số 2502/QĐ-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Kinh phí mua sắm trang phục các ngành; kinh phí thuê trụ sở;

- Kinh phí đối ứng các dự án ODA (phần vốn sự nghiệp), kinh phí đóng niên liễm hoặc đóng góp cho các tổ chức hoặc diễn đàn quốc tế, kinh phí nộp các loại thuế theo quy định;

- Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia;

- Kinh phí thực hiện giải thưởng Nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh, Quỹ giải thưởng văn học nghệ thuật;

- Kinh phí thực hiện Pháp lệnh Người có công với cách mạng (trừ chi phí quản lý thực hiện Pháp lệnh Người có công);

- Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế;

- Các khoản chi đặc thù không thể cắt giảm của cơ quan Đảng;

- Kinh phí hoạt động của các cơ quan Việt Nam ở nước ngoài; kinh phí thực hiện Năm Chủ tịch ASEAN;

- Kinh phí giám định phục vụ công tác của cơ quan tư pháp, thanh tra, kiểm toán;

- Kinh phí chi trả tiền công của các cuộc điều tra thống kê;

- Các khoản kinh phí được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính giao bổ sung dự toán ngoài Quyết định số 2502/QĐ-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Tổ chức thực hiện:

4.1. Căn cứ hướng dẫn xác định dự toán cắt giảm và tiết kiệm thêm theo hướng dẫn nêu tại khoản 2 và khoản 3 của Công văn này, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách xác định số kinh phí cắt giảm và tiết kiệm thêm 6 tháng cuối năm 2020, gửi về đơn vị dự toán cấp trên để rà soát, tổng hợp.

Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm xác định các nhiệm vụ không thể cắt giảm, tiết kiệm tại điểm 3.2 của Công văn này và tính chính xác của số liệu dự toán cắt giảm của đơn vị mình.

Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc Bộ *(kể cả các đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên hoặc thực hiện thí điểm tự chủ tài chính)* xác định số cắt giảm, tiết kiệm theo hướng dẫn nêu tại khoản 2 và khoản 3 và Phụ lục kèm theo tại Công văn này gửi về Bộ (Vụ Kế hoạch - Tài chính) ***trước ngày 27/7/2020*** để tổng hợp gửi Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Sau thời hạn trên, các đơn vị chưa có báo cáo xác định số cắt giảm, tiết kiệm dự toán chi thường xuyên 6 tháng cuối năm 2020, Bộ sẽ tự xác định số cắt giảm dự toán của đơn vị theo nguyên tắc 10% chi thường xuyên,

chi tự chủ tài chính và 70% chi không thường xuyên, không tự chủ tài chính đã được giao dự toán tại Quyết định 2011/QĐ-LĐTBXH ngày 31/12/2019 và các Quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) trên cơ sở số dư dự toán được theo dõi trên Hệ thống Tabmis.

4.2. Bộ trưởng quyết định số kinh phí thực hiện cắt giảm và tiết kiệm thêm cho các đơn vị dự toán trực thuộc, chi tiết theo từng lĩnh vực chi *(kể cả các cơ quan, đơn vị hành chính đã được giao cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính; các cơ quan, đơn vị chi hoạt động thường xuyên từ nguồn thu phí được để lại, nguồn thu nghiệp vụ được để lại)*; gửi Bộ Tài chính để theo dõi, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ và gửi Kho bạc nhà nước để kiểm soát chi theo phương án cắt giảm và tiết kiệm thêm của Bộ.

4.3. Căn cứ Quyết định cắt giảm và tiết kiệm thêm dự toán chi thường xuyên 6 tháng cuối năm 2020 được Bộ thông báo; các đơn vị sử dụng ngân sách có văn bản gửi Kho bạc Nhà nước giao dịch để thực hiện, đồng thời hạch toán dự toán cắt giảm và tiết kiệm thêm theo dõi tại mã nguồn 28 (kinh phí giữ lại) trên hệ thống Tabmis. Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị giao dịch sẽ thực hiện hạch toán giảm dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2020 của các đơn vị sử dụng ngân sách, đảm bảo đúng tổng mức và chi tiết cắt giảm và tiết kiệm theo phương án của Bộ giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách. Hết thời gian chỉnh lý quyết toán KBNN nơi giao dịch hạch toán hủy dự toán đã hạch toán cắt giảm và tiết kiệm thêm tại đơn vị sử dụng ngân sách.

Đối với đơn vị chi thường xuyên từ nguồn thu phí được để lại, thu nghiệp vụ được để lại: Căn cứ Quyết định cắt giảm và tiết kiệm thêm dự toán chi thường xuyên được giao, đơn vị thực hiện nộp kinh phí cắt giảm vào ngân sách nhà nước chia làm 2 đợt trước ngày 30/9/2020 và trước ngày 31/12/2020, số kinh phí cắt giảm nộp vào thu ngân sách nhà nước, tiểu mục 4949.

4.4. Các đơn vị chịu trách nhiệm rà soát, sắp xếp, bố trí lại các nhiệm vụ chi thường xuyên trong phạm vi dự toán còn lại (sau khi đã thực hiện cắt giảm và tiết kiệm thêm dự toán 6 tháng cuối năm 2020):

Để đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ chuyên môn đã được giao đầu năm trong điều kiện thực hiện cắt giảm và tiết kiệm thêm dự toán theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ, yêu cầu các đơn vị trực thuộc thực hiện rà soát, sắp xếp, bố trí lại nhiệm vụ chi thường xuyên đã được giao đầu năm, tăng cường quản lý, chi tiêu đảm bảo tiết kiệm, chặt chẽ và hiệu quả, trên cơ sở đó:

- Đảm bảo nguồn thực hiện các chế độ, chính sách đã ban hành và an sinh xã hội.

- Chủ động rà soát, sắp xếp để cắt giảm hoặc lùi thời gian thực hiện các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết, cấp bách, các khoản chi mua sắm trang thiết bị; hạn chế chi tổ chức hội nghị, hội thảo, đi công tác nước ngoài.

- Ngừng các khoản chi cho các nhiệm vụ chưa thực sự cần thiết, cấp bách.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ *(qua Vụ Kế hoạch – Tài chính, điện thoại 04.38.269.544)* để được hướng dẫn thêm./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Văn Thanh

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

ĐĂNG KÝ SỐ CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020

Tên đơn vị sử dụng ngân sách: .....

(Phụ lục kèm theo Công văn số 2350/LĐTBXH-KHTC ngày 23/7/2020)

Đơn vị: 1.000 đồng

LOẠI	MÃ SỐ/ KHOẢN	NỘI DUNG	1. Tổng dự toán năm 2020 được giao *(bao gồm cả dự toán bổ sung - nếu có)*	Trong đó:			2. Kinh phí cắt giảm, tiết kiệm 6 tháng cuối năm		
				1.1. Kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước	1.2. Dự toán các nội dung chi không xác định 10% tiết kiệm	1.3. Dự toán thuộc diện phải tính 10% tiết kiệm chi thường xuyên	Tổng cộng	2.1. Tiết kiệm 70% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước	2.2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên còn lại
A	B	C	1	2	3	4=1-(2+3)	5=6+7	6=2/12x6x70%	7=4/12x6x10%
		I. THU, CHI NGÂN SÁCH VỀ PHÍ, LỆ PHÍ							
		Chi từ nguồn phí, lệ phí được để lại							
490		- Giáo dục và đào tạo							
520		- Y tế và các hoạt động xã hội							
430		- Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ							
460		- Quản lý nhà nước							
01		II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (CHI TỪ NGUỒN VỐN TRONG NƯỚC)							
		B. Chi phát triển sự nghiệp kinh tế - xã hội, quản lý hành chính							
070		GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ							
		CHI THƯỜNG XUYÊN							
	081	Đại học							
		Kinh phí thường xuyên							
		Kinh phí không thường xuyên							
		Trong đó: Kinh phí cấp bù học phí							
	085	Đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức							
		Kinh phí thường xuyên							
		Kinh phí không thường xuyên							
	093	Giáo dục nghề nghiệp							
		Kinh phí thường xuyên							
		Kinh phí không thường xuyên							
		Trong đó: Kinh phí cấp bù học phí							
	098	Các nhiệm vụ phục vụ giáo dục nghề nghiệp (KP KTX)							
		CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, CTMT QUỐC GIA							
		CTMTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020 - Mã Chương trình 0390							
	098	Nội dung số 02 "Tập huấn nâng cao kiến thức kỹ năng cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới" thuộc nội dung thành phần số 11 - Mã số 0405							
	075	Nội dung số 06 "Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn" thuộc Nội dung thành phần số 03 - Mã số 0394							

LOẠI	MÃ SỐ/ KHOẢN	NỘI DUNG	1. Tổng dự toán năm 2020 được giao *(bao gồm cả dự toán bổ sung - nếu có)*	Trong đó:			2. Kinh phí cắt giảm, tiết kiệm 6 tháng cuối năm		
				1.1. Kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước	1.2. Dự toán các nội dung chi không xác định 10% tiết kiệm	1.3. Dự toán thuộc diện phải tính 10% tiết kiệm chi thường xuyên	Tổng cộng	2.1. Tiết kiệm 70% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước	2.2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên còn lại
A	B	C	1	2	3	4=1-(2+3)	5=6+7	6=2/12x6x70%	7=4/12x6x10%
		CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 - Mã Chương trình 0010							
		Dự án 5: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình - Mã số dự án 0026							
	085	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực							
	098	Kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình							
		CTMT GDNN - VIỆC LÀM - AN TOÀN LAO ĐỘNG - Mã Chương trình 0700							
	093/098	Dự án 1: Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp - Mã số 0709							
		Hoạt động Đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN							
		Hoạt động Hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ cho lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài							
	098	Dự án 2 Phát triển thị trường lao động và việc làm - Mã số 0709							
	098	Dự án 3 Tăng cường an toàn vệ sinh lao động - Mã số 0709							
100		KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ							
	102	Khoa học xã hội và nhân văn							
		Kinh phí thường xuyên							
		Trong đó: Kinh phí TK 10% thực hiện CCTL							
		Kinh phí không thường xuyên							
		Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN							
		- Khoán chi							
		- Không khoán chi							
130		Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH							
		CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU							
		CTMT Y TẾ - DÂN SỐ - Mã số Chương trình 0640							
	131	Dự án 5 Phòng chống HIV/AIDS - Mã số dự án 0649							
160		VĂN HÓA - THÔNG TIN							
		CHI THƯỜNG XUYÊN							
	171	Hoạt động thông tin truyền thông, xuất bản, báo chí (KP KTX)							
		CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU							
	171	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 - Mã Chương trình 0010							
		Dự án 4: Truyền thông và Giảm nghèo về thông tin - Mã Dự án 0025							
250		BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG							
		CHI THƯỜNG XUYÊN							
	278	Hoạt động bảo vệ môi trường khác (KP KTX)							
		Dự án, mục tiêu khác - Mã số dự án 0749							

LOẠI	MÃ SỐ/ KHOẢN	NỘI DUNG	1. Tổng dự toán năm 2020 được giao *(bao gồm cả dự toán bổ sung - nếu có)*	Trong đó:			2. Kinh phí cắt giảm, tiết kiệm 6 tháng cuối năm		
				1.1. Kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước	1.2. Dự toán các nội dung chi không xác định 10% tiết kiệm	1.3. Dự toán thuộc diện phải tính 10% tiết kiệm chi thường xuyên	Tổng cộng	2.1. Tiết kiệm 70% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước	2.2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên còn lại
A	B	C	1	2	3	4=1-(2+3)	5=6+7	6=2/12x6x70%	7=4/12x6x10%
280		CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ							
		CHI THƯỜNG XUYÊN							
	314	Công nghệ thông tin							
		Kinh phí thường xuyên							
		Kinh phí không thường xuyên							
	332	Các hoạt động điều tra, thăm dò, khảo sát							
		Kinh phí thường xuyên							
		Kinh phí không thường xuyên							
	338	Sự nghiệp kinh tế và dịch vụ khác							
		Kinh phí thường xuyên							
		Kinh phí không thường xuyên							
		CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA							
		CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 - Mã Chương trình 0010							
	338	Dự án 1: Chương trình 30a - Mã số dự án 0022							
		Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã ĐBKK)							
		Tiểu dự án 4: Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài							
	338	Dự án 2: Chương trình 135 - Mã số dự án 0023 (Tiểu Dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã ĐBKK, xã BG, xã ATK, các thôn, bản ĐBKK)							
	338	Dự án 3 Hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài CT 30a và CT 135 - Mã số Dự án 0024							
	338	Dự án 3 Hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài CT 30a và CT 135 - Mã số Dự án 0024							
340		HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ							
	341	Quản lý nhà nước							
		Kinh phí thực hiện tự chủ							
		Trong đó: Kinh phí TK 10% thực hiện CCTL							
		Kinh phí không thực hiện tự chủ							
	368	Đóng niêm liễn cho các tổ chức quốc tế (KP không tự chủ)							
370		BẢO ĐẢM XÃ HỘI							
		CHI THƯỜNG XUYÊN							

LOẠI	MÃ SỐ/ KHOẢN	NỘI DUNG	1. Tổng dự toán năm 2020 được giao *(bao gồm cả dự toán bổ sung - nếu có)*	Trong đó:			2. Kinh phí cắt giảm, tiết kiệm 6 tháng cuối năm		
				1.1. Kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước	1.2. Dự toán các nội dung chi không xác định 10% tiết kiệm	1.3. Dự toán thuộc diện phải tính 10% tiết kiệm chi thường xuyên	Tổng cộng	2.1. Tiết kiệm 70% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước	2.2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên còn lại
A	B	C	1	2	3	4=1-(2+3)	5=6+7	6=2/12x6x70%	7=4/12x6x10%
	371	Hoạt động thực hiện c/s người có công							
		Kinh phí thường xuyên							
		Kinh phí không thường xuyên							
	372	Sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc trẻ em							
		Kinh phí thường xuyên							
		Kinh phí không thường xuyên							
	398	Hoạt động xã hội khác							
		Kinh phí thường xuyên							
		Kinh phí không thường xuyên							
		CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU							
		CTMT ĐẢM BẢO TRẬT TỰ ATGT PCCC VÀ PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ MA TÚY- Mã Chương trình 0660							
	398	Dự án 3. Đấu tranh phòng chống tội phạm xâm hại trẻ em và người chưa thành niên vi phạm PL và PC bạo lực gia đình, mua bán người - Mã số Dự án 0669							
		CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG TRỢ GIÚP XÃ HỘI - Mã Chương trình 0710							
	398	Dự án 1 Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội đối với các đối tượng yếu thế - Mã số Dự án 0719							
	372	Dự án 2 Phát triển hệ thống Bảo vệ trẻ em - Mã số Dự án 0719							
	398	Dự án 3 Hỗ trợ thực hiện các MTQG về Bình đẳng giới - Mã số Dự án 0719							
	398	Dự án 4 Phát triển hệ thống Dịch vụ hỗ trợ người cai nghiện ma túy, mại dâm và nạn nhân bị buôn bán - Mã số Dự án 0719							
		KHO BẠC NHÀ NƯỚC NƠI GIAO DỊCH							
		Mã số Kho bạc Nhà nước							
		Mã số đơn vị sử dụng ngân sách							

Ghi chú:

1. Đơn vị dự toán cấp trên tổng hợp dự toán của các đơn vị dự toán trực thuộc và chi tiết đến từng đơn vị và nội dung chi.

2. Đơn vị giải trình chi tiết đối với các khoản chi đặc thù thuộc các nội dung không xác định tiết kiệm 10% chi thường xuyên./.